

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **254/2020/DS-PT**

Ngày: 28-12-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngàu

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp;

Ông Mai Văn Triển

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phở - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2020/TLPT- DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2020/QĐXX-PT ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: khu phố Nội ô B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: chị Kim Cẩm T, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: số 41, TC, khu phố NL, phường NL, thành phố TN; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06-5-2020); có mặt.

2. Bị đơn:

Anh **Tạ Hoàng T**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: tổ 7, ấp PL, xã PN, Huyện DMC, tỉnh TN; vắng mặt.

Anh **Tạ Hoàng T**, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: số nhà 1486, tổ 7, ấp PL, xã PN, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Tạ Hoàng T:

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1953; địa chỉ cư trú: số 96, đường Nguyễn Văn R, khu phố 1, Phường 4, thành phố TN, tỉnh TN; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16-9-2020); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2020 và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Kim T, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Kim Cẩm T trình bày:

Nguyên mẹ ruột của anh T và anh T là bà Ngô Thị Ngọc Q thế chấp quyền sử dụng đất của bà Quý vay vốn tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh huyện GD, tỉnh TN. Năm 2019 bà Q chết, đồng thời hợp đồng vay vốn Ngân hàng cũng đến kỳ đáo hạn. Để có tiền đáo nợ ngân hàng, vào ngày 19-10-2019 anh T, anh T vay của chị T số tiền 500.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, hẹn 05 đến 07 ngày sau sẽ trả. Vay không thế chấp tài sản, có làm giấy giao nhận tiền, cả anh T và anh T cùng ký tên, không ghi lãi suất trong giấy giao nhận tiền, nhưng thỏa thuận bằng miệng là sau khi anh T vay tiền ngân hàng lại được sẽ trả tiền lãi gấp 03 lần mức lãi của ngân hàng. Đến nay anh T, anh T vẫn chưa trả số tiền gốc nêu trên kể cả tiền lãi. Nay chị T khởi kiện yêu cầu anh T, anh T trả cho chị số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật (tính từ ngày 19-10-2019 đến ngày giải quyết xong vụ án).

Bị đơn anh Tạ Hoàng T trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là hoàn toàn đúng. Do trước đây anh có vay tiền của chị T nhiều lần nên có quen biết với nhau; đến ngày 19-10-2019 anh cùng với em anh tên Tạ Hoàng T có ký tên và vay tiền của chị T số tiền 500.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất vì thời hạn vay là 05 đến 07 ngày, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Đây là nợ riêng của anh, do mẹ anh là bà Ngô Thị Ngọc Q (đã chết năm 2019) có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất (do mẹ anh đứng tên chủ sử dụng đất) vay tiền tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh huyện GD, tỉnh TN, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không phải là tài sản của anh, nên trước khi cho vay chị T yêu cầu phải có người thân trong gia đình đi cùng và ký tên trong giấy nợ, chị T mới cho anh vay tiền; chính vì lý do đó nên em anh (T) mới ký tên vào giấy vay tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh đồng ý trả. Nhưng anh không đồng ý yêu cầu buộc anh T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ, vì đây là nợ riêng của anh; anh T chỉ là người làm chứng trong vụ việc này.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (anh T) ông Nguyễn Văn T trình bày:

Từ ngày 16-02-2009 đến ngày 10-10-2018, bà Q thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn 07 lần, hồ sơ vay vốn thể hiện bà Q là người vay, anh T là người nhận tiền, anh T chưa có lần nào đi vay tiền cùng với bà Q. Năm 2019, bà Q mất và khi đó hợp đồng vay cũng đến kỳ đáo hạn. Để có tiền trả nợ Ngân hàng nên vào ngày 19-10-2019 anh T vay của chị T 500.000.000 đồng, anh T cùng anh T ký tên vào giấy giao nhận tiền, nhưng người trực tiếp nhận tiền của chị T là anh T, anh T không nhận tiền của chị T, anh T chỉ làm chứng cho anh T vay tiền của chị Tuyến. Ngày 03-8-2020 anh T có đơn xin trình bày ý kiến xác định đây là nợ riêng của anh, không liên quan đến anh T.

Ông đại diện cho anh T không đồng ý đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu một mình anh T có trách nhiệm trả nợ trả nợ cho chị T, anh T không có trách nhiệm trả.

Tại Bản án sơ thẩm số 36/2020/DS-ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh TN đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, 227, 228, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T đối với anh Tạ Hoàng T và anh Tạ Hoàng T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Tạ Hoàng T và anh Tạ Hoàng T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền 546.655.250 (năm trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng, bao gồm: Nợ gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền lãi 46.655.250 (bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Tạ Hoàng T và anh Tạ Hoàng T phải chịu án phí là 25.866.210 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm mười) đồng.

Chị Nguyễn Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị T 12.660.000 (mười hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004253 ngày 25-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh TN.

Ngoài ra bản án tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020, bị đơn (anh Tạ Hoàng T) có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; buộc anh Tạ Hoàng T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn, chị Kim Cẩm T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Nguyễn Kim T) yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét xử buộc anh Tạ Hoàng T cùng có trách nhiệm với anh Tạ Hoàng T trả cho chị Nguyễn Kim T tổng số tiền gốc và tiền lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên xử.

Đại diện bị đơn (Tạ Hoàng T), ông Nguyễn Văn T trình bày, số tiền vay của chị T là mục đích trả nợ cho số tiền vay của anh T và bà Ngô Thị Ngọc Q (là mẹ anh T và

anh T) trước đó tại ngân hàng Sacobank- Chi nhánh huyện GD, tỉnh TN, anh T có ký tên vào giấy vay tiền của chị T, nhưng ký tên với tư cách là người làm chứng. Đây là nợ riêng của anh T, anh T có trách nhiệm trả, anh T không có trách nhiệm trả số nợ này cho chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Hoàng T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Tạ Hoàng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh TN xét xử vụ án vào ngày 25-9-2020; ngày 08-10-2020, bị đơn (Tạ Hoàng T) có đơn kháng cáo bản án, đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn (anh Tạ Hoàng T), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 19/10/2019, anh T và anh T có ký giấy giao nhận tiền với chị T, số tiền nhận là 500.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, mục đích để đáo nợ ngân hàng; hẹn 5 đến 7 ngày sau sẽ trả lại đủ số tiền đã nhận. Do không trả tiền đúng hẹn nên chị T khởi kiện yêu cầu anh T, anh T trả cho chị số nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[2.2] Anh T và đại diện hợp pháp của anh T cho rằng số tiền nhận của chị T ngày 19-10-2019 là 500 triệu đồng là để đáo nợ ngân hàng cho khoản tiền vay của anh T và bà Ngô Thị Ngọc Q (mẹ của anh T và anh T) đã vay trước đó; anh T có ký tên vào giấy giao nhận tiền ngày 19-11-2020, nhưng anh T chỉ ký với tư cách là người làm chứng, chứ không phải là người vay nợ; số tiền vay do anh T trực tiếp nhận, anh T không có nhận; anh T đã thừa nhận đây là nợ riêng của anh T với chị T. Do đó, đây là nợ riêng của anh T, anh T có trách nhiệm trả, anh T không có trách nhiệm trả.

[2.3] Giấy giao nhận tiền giữa chị T với anh T, anh T ghi ngày 19-10-2019 có chữ ký, ghi họ và tên của anh T, anh T là bên nhận tiền (bút lục số 29) không thể hiện câu từ nào xác định anh T ký tên với tư cách là người làm chứng cho anh T vay tiền của chị T

[2.4] Anh T và đại diện hợp pháp của anh T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc anh T ký vào giấy giao nhận tiền ngày 19-10-2019 giữa chị T, anh T và anh T là ký với tư cách là người làm chứng.

[2.5] Bản cam kết của anh T không ghi ngày, tháng, năm (BL số 02), anh T trình bày: anh cùng anh T có vay của chị T 500.000.000 đồng để giải chấp tài sản là QSD đất của bà Q (đã mất năm 2019), sau đó ủy quyền cho các em đứng tên vay vốn ngân hàng, do thủ tục giấy tờ chưa xong nên hẹn đến ngày 19-01-2020 (AL) sẽ trả cho chị T.

Do đó, có đủ căn cứ xác định số tiền giao nhận giữa anh T, anh T và chị T vào ngày 19-10-2019 là tiền anh T và anh T cùng vay của chị T.

[2.6] Về tiền lãi: Giấy giao nhận tiền ngày 19-10-2019 không ghi lãi suất, tuy nhiên cả hai bên đương sự đều xác định có tính tiền lãi. Chị T cho rằng cho anh T, anh T vay tiền, khi trả thì anh T, anh T trả tiền lãi cho chị gấp khoảng 3 lần lãi suất cho vay của ngân hàng; anh T trình bày khi đến hạn sẽ trả tiền gốc và tiền lãi cho chị T nhưng không xác định được mức lãi suất cũng như số tiền lãi cụ thể phải trả cho chị T. Do có tranh chấp về lãi suất, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn (anh T, anh T) trả tiền lãi cho chị T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.7] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T, buộc anh Tạ Hoàng T và anh Tạ Hoàng T cùng có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của anh là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Tạ Hoàng T, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TN. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST, ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh TN.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Tạ Hoàng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Tạ Hoàng T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/HNGĐ-ST, ngày 25-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh TN.

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh Tạ Hoàng T và Tạ Hoàng T.

Buộc anh Tạ Hoàng T và anh Tạ Hoàng T cùng có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Kim T số tiền 546.655.250 (năm trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng, bao gồm: tiền nợ gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền lãi 46.655.250 (bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tạ Hoàng T và Tạ Hoàng T cùng phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.866.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Nguyễn Kim T số tiền 12.660.000 (mười hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004253 ngày 25-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC, tỉnh TN.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Tạ Hoàng T phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0005129, ngày 09-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh TN; anh T đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện DMC;
- TAND huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Võ Văn Ngẫu

